

Số: **1956** /BT-TT-KHTCV/v hướng dẫn báo cáo và kiểm tra,
giám sát chương trình MTQG đưa thông
tin về cơ sởHà Nội, ngày **04** tháng 7 năm 2013

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Căn cứ Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 - 2015 (sau đây gọi tắt là Chương trình MTQG);

Bộ Thông tin và Truyền thông (Cơ quan Quản lý Chương trình) hướng dẫn các Bộ, Ngành cơ quan trung ương và các địa phương tham gia quản lý, thực hiện Chương trình MTQG thực hiện chế độ báo cáo, giám sát, đánh giá Chương trình MTQG như sau:

I. VỀ BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG

1. Trách nhiệm báo cáo, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG:

Các Bộ, Ngành, cơ quan trung ương và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện Chương trình MTQG có trách nhiệm lập báo cáo, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp để phục vụ công tác quản lý, điều hành Chương trình và gửi báo cáo các cơ quan có thẩm quyền.

Căn cứ tình hình thực tế về tổ chức, phân cấp quản lý thực hiện Chương trình MTQG, các Bộ, Ngành, cơ quan trung ương giao nhiệm vụ cho đơn vị tham mưu trực thuộc làm đầu mối tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Chương trình MTQG để báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông.

Đối với các địa phương, Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan tham mưu cho UBND cấp tỉnh báo cáo tình hình thực hiện Chương trình MTQG tại địa phương.

2. Kỳ báo cáo và thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ:

- Báo cáo 6 tháng: gửi Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 10 tháng 7 hàng năm.

- Báo cáo năm: gửi Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 15 tháng 01 năm sau.

- Báo cáo kết thúc Chương trình MTQG: thực hiện trong tháng 01 năm 2016.

b) Báo cáo đột xuất: Thực hiện theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương và địa phương.

3. Nội dung báo cáo:

3.1. Các chỉ tiêu báo cáo về tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình:

Các chỉ tiêu báo cáo thực hiện Chương trình MTQG phù hợp với nội dung từng dự án của Chương trình. Cụ thể:

a) Đối với dự án 1 - Tăng cường cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Các chỉ tiêu báo cáo gồm:

- Số lượng tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã xây dựng, đã in từng loại.

- Các chỉ tiêu về kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở, bao gồm:

+ Số lớp đã tổ chức;

+ Số lượng cán bộ đã được đào tạo, bồi dưỡng trong kỳ và lũy kế từ khi thực hiện Chương trình MTQG (đối với từng cấp, từng chức danh, nhiệm vụ công tác).

b) Đối với dự án 2 - Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Các chỉ tiêu báo cáo gồm:

- Số xã, phường, thị trấn cần thiết lập mới đài truyền thanh theo từng loại quy mô cụm loa và công suất thiết bị.

- Số xã, phường, thị trấn nâng cấp đài truyền thanh theo từng loại quy mô cụm loa và công suất thiết bị.

- Số trạm truyền thanh, truyền hình cấp huyện được nâng cấp.

- Số trạm phát lại phát thanh, truyền hình được nâng cấp.

- Số đơn vị được hỗ trợ cơ sở vật chất, trang bị phương tiện tác nghiệp cho hoạt động thông tin và truyền thông cơ sở (bao gồm cả số cơ sở trại giam, trường giáo dưỡng);

- Số cơ sở được hỗ trợ thiết bị thu tín hiệu, thiết bị nghe - xem và thiết bị phụ trợ cho các điểm sinh hoạt dân cư cộng đồng của các thôn, bản xa trung tâm xã thuộc địa bàn các huyện nghèo và các đồn, trạm biên phòng.

c) *Dự án 3* - Tăng cường nội dung thông tin và truyền thông về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Các chỉ tiêu báo cáo gồm:

- Số lượng chương trình phát thanh đã sản xuất (theo từng nhóm chủ đề nội dung, thể loại, thời lượng; trong đó có số lượng các chương trình bằng tiếng dân tộc);

- Số lượng các chương trình truyền hình đã sản xuất (theo từng nhóm chủ đề nội dung, thể loại, thời lượng; trong đó có số lượng các chương trình bằng tiếng dân tộc);

- Số lượng sách đã xuất bản, số bản in đã thực hiện (trong đó bao gồm cả các sản phẩm bằng tiếng dân tộc);

- Số lượng các ấn phẩm truyền thông tuyên truyền theo từng hình thức: tờ chuyên san, video clip, tờ rơi, ... (trong đó bao gồm cả các sản phẩm bằng tiếng dân tộc);

- Số lượng cụm thông tin đối ngoại tại khu vực cửa khẩu quốc tế, cụm đảo và biên giới đã thiết lập;

- Quy mô cơ sở dữ liệu thông tin điện tử, hỗ trợ thông tin trực tuyến phục vụ đồng bào tại địa bàn nông thôn, miền núi (do các cơ quan trung ương thực hiện).

3.2. Nội dung báo cáo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các dự án thuộc Chương trình MTQG:

Báo cáo tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình MTQG trong kỳ và lũy kế từ khi bắt đầu, so sánh kết quả thực hiện với kế hoạch, nhiệm vụ đã được phê duyệt.

3.3. Nội dung báo cáo tình hình huy động vốn và giải ngân thực hiện các dự án của Chương trình MTQG:

Báo cáo huy động vốn, phân bổ vốn và giải ngân thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình MTQG trong kỳ và lũy kế từ khi bắt đầu thực hiện Chương trình (chi tiết cho từng nguồn kinh phí).

3.4. Báo cáo tình hình lồng ghép thực hiện giữa Chương trình MTQG với các Chương trình, dự án khác do các Bộ, Ngành, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện (nếu có).

3.5. Về kết cấu nội dung của báo cáo, bao gồm nội dung báo cáo tình hình thực hiện Chương trình MTQG (bao gồm phần phân tích tình hình thực hiện,

huy động vốn, những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị và 07 biểu mẫu số liệu kèm theo).

(Nội dung các biểu số liệu thực hiện Chương trình MTQG kèm theo văn bản này)

4. Sử dụng các chỉ số khi phân tích, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG:

Khi phân tích, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, đề nghị các Bộ, Ngành, địa phương sử dụng các chỉ số phân tích kết quả đạt được để cung cấp các thông tin cho quản lý, điều hành Chương trình MTQG. Trong đó cần lưu ý:

- Đối với dự án 1: Phân tích theo tỷ lệ % so với kỳ trước về cán bộ thông tin và truyền thông được đào tạo trong kỳ báo cáo thuộc các nhóm đối tượng.

- Đối với dự án 2: Phân tích theo tỷ lệ % so với kỳ trước về: xã được thiết lập đài truyền thanh mới, xã được nâng cấp đài truyền thanh, số trạm phát lại phát thanh, truyền hình được nâng cấp,...

- Đối với dự án 3: Phân tích theo tỷ lệ % so với kỳ trước về: xã được cung cấp ấn phẩm truyền thông; đơn vị được hỗ trợ trang thiết bị tác nghiệp thông tin và truyền thông; điểm sinh hoạt dân cư công đồng được hỗ trợ trang thiết bị nghe - xem; xã tham gia phát lại chương trình phát thanh.

Phân tích theo số lần chương trình, thời lượng các chương trình phát thanh, truyền hình đã sản xuất, phát sóng lần đầu, phát lại trên địa bàn; số lượng xuất bản phẩm và các ấn phẩm truyền thông đã thực hiện, ...

Ngoài ra, báo cáo cần phân tích về số người dân hưởng lợi (theo tỷ lệ %) chương trình (đối với dự án 2 và dự án 3) trong kỳ báo cáo; đánh giá tác động của Chương trình đến sự phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương.

II. CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về nội dung kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình:

Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm kiểm tra, giám sát việc xây dựng kế hoạch, dự án và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi thực hiện Chương trình MTQG đã được phê duyệt, đối với từng dự án của Chương trình; việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, tài chính và các quy định trong quản lý hoạt động thông tin và truyền thông có liên quan của nhà nước; việc chấp hành các quy định về phân cấp quản lý đối với việc thực hiện Chương trình MTQG của Bộ, Ngành, địa phương; về kết quả huy động nguồn lực và hiệu quả của Chương trình,

Đối với các dự án đầu tư thực hiện Chương trình, ngoài việc kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình MTQG, các đơn vị tham gia thực hiện Chương

trình có trách nhiệm thực hiện các theo quy định của pháp luật về giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Trách nhiệm thực hiện kiểm tra, giám sát:

Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị tham gia quản lý, thực hiện Chương trình có trách nhiệm kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình; cụ thể:

a) Đối với Bộ Thông tin và Truyền thông:

Bộ Thông tin và Truyền thông giao Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Ban quản lý Chương trình MTQG và các Vụ, Cục liên quan tổ chức công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình MTQG tại các Bộ, Ngành, Cơ quan trung ương và các địa phương tham gia thực hiện Chương trình.

b) Đối với các Bộ, Ngành, cơ quan Trung ương:

Căn cứ cơ cấu tổ chức, phân cấp quản lý, các Bộ, Ngành, cơ quan Trung ương giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình MTQG cho đơn vị tham mưu thực hiện và tổng hợp báo cáo.

c) Đối với các địa phương:

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ tình hình thực tế về phân cấp quản lý để giao trách nhiệm cụ thể cho các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình MTQG tại địa phương.

Trên đây là hướng dẫn báo cáo, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để được hướng dẫn bổ sung./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ TTTT;
- Bộ KHĐT;
- Bộ Tài chính;
- Ban Quản lý CTMTQG;
- Ban Quản lý DA CTMTQG;
- Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Đức Lai

Bộ, ngành/ tỉnh, thành phố

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ DỰ ÁN 1
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG ĐƯA THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ**

Kỳ báo cáo:

STT	Nội dung	Kế hoạch năm	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Lũy kế từ Chương trình
1	2	3	4	5
1	Số lớp đào tạo, bồi dưỡng			
	Trong đó:			
a	Ngày tổ chức lớp thứ nhất			
b	Ngày tổ chức lớp thứ hai			
....				
2	Số cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng			
	Trong đó:			
a	Số lượng giảng viên nguồn			
b	Số lượng cán bộ TTTT cơ sở được đào tạo, bồi dưỡng) (Chi tiết theo từng loại chức danh, đối tượng được đào tạo)			
3	Số bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nhận từ trung ương			
	Trong đó:			
a	Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng giảng viên			
b	Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ TTTT cơ sở			
4	Số bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng tự in ấn tại địa phương			
	Trong đó:			
a	Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng giảng viên			
b	Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ TTTT cơ sở			

Lập biểu

....., ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Ghi ngày tổ chức lớp vào cột số 3 và cột số 4

Bộ, ngành/ tỉnh, thành phố

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN 1
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG ĐƯA THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ**

Kỳ báo cáo:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Lũy kế đầu Chương trình
1	2	3	4	5
1	Chi phí tổ chức các lớp học			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
2	Chi phí biên soạn tài liệu đào tạo, bồi dưỡng			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
3	Chi phí in tài liệu đào tạo, bồi dưỡng			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
4	Chi phí khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng (NSDP)			
	Tổng cộng			

Lập biểu

....., ngày tháng năm 20

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Bộ, ngành/ tỉnh, thành phố

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ DỰ ÁN 2
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG ĐƯA THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ**

Kỳ báo cáo:

STT	Nội dung	Kế hoạch năm	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Lũy kế từ Chương trình
1	2	3	4	5
1	Số đài truyền thanh xã được đầu tư mới			
a	Đài truyền thanh xã A thuộc huyện			
b	Đài truyền thanh xã B thuộc huyện			
....				
2	Số đài truyền thanh xã được nâng cấp			
a	Đài truyền thanh xã C thuộc huyện			
b	Đài truyền thanh xã D thuộc huyện			
....				
3	Số đài PTTH huyện được nâng cấp			
a	Đài PTTH huyện A			
b	Đài PTTH huyện B			
....				
4	Số trạm phát lại PTTH được nâng cấp			
a	Trạm phát lại PTTH A			
b	Trạm phát lại PTTH B			
....				
5	Số bộ phương tiện tác nghiệp trang bị cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở			
a	Huyện hoặc đơn vị A			
b	Huyện hoặc đơn vị B			
....				
6	Số bộ thiết bị thu tin hiệu, thiết bị nghe - xem và thiết bị phụ trợ trang bị cho các điểm sinh hoạt dân cư cộng đồng; đồn, trạm biên phòng			
a	Đơn vị A			
b	Đơn vị B			
....				

Lập biểu

....., ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Danh sách các huyện, xã, đơn vị được hỗ trợ đầu tư chỉ báo cáo ở cột 3 và cột 4

Bộ, ngành/ tỉnh, thành phố

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN 2
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG ĐƯA THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ**

Kỳ báo cáo:

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu Chương trình
1	2	3	4	5
1	Chi phí đầu tư mới Đài truyền thanh xã			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
2	Chi nâng cấp Đài truyền thanh xã			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
3	Chi nâng cấp Đài PTTH huyện			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
4	Chi nâng cấp trạm phát lại PTTH			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
5	Chi phí hỗ trợ trang bị phương tiện tác nghiệp cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
6	Chi phí hỗ trợ trang bị thiết bị thu tin hiệu, thiết bị nghe - xem và thiết bị phụ trợ cho các điểm sinh hoạt dân cư cộng đồng; đồn, trạm biên phòng			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
	Tổng cộng			

Lập biểu

....., ngày tháng năm 20

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 05/BC-CTMTQG
(Mẫu kèm theo Văn bản số 130/BBTTTT-KHTC
ngày 04/7/2013 của Bộ TTTT)

Bộ, ngành/ tỉnh, thành phố

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG ĐU Đ

Ký báo cáo:

HỒN TIN VỀ CƠ SỞ

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Số, ngày Quyết định đầu tư	Quy mô/ công suất	Ngày khởi công	Vốn đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư năm				Giá trị thực hiện		Giải ngân	
					Tổng vốn đầu tư	Gồm			Tổng vốn đầu tư	n			Thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Lũy kế từ ngày khởi công	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Lũy kế từ ngày khởi công
						NSTW	NSDP	Vốn khác		NSTW	NSTP	Vốn khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Đầu tư mới đài truyền thanh xã															
a	Đài truyền thanh xã A huyện															
b	Đài truyền thanh xã B huyện															
2	Nâng cấp đài truyền thanh xã															
a	Đài truyền thanh xã C huyện															
b	Đài truyền thanh xã D huyện															
3	Nâng cấp Đài PTTH huyện															
a	Đài PTTH huyện Đ															
b	Đài PTTH huyện E															
4	Nâng cấp trạm phát lại PTTH															
a	Trạm phát lại															
b	Trạm phát lại															
	Tổng cộng															

Lập biểu

....., ngày tháng năm 20

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Trong đó: - Vốn NSTW để đầu tư, mua sắm thiết bị;

- Vốn NSDP và vốn khác để đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp vô trạm, vật kiến trúc và cung cấp nguồn điện cho các Đài, trạm PTTH; đầu tư mua sắm thiết bị ngoài phần NSTW hỗ trợ.

- Cột 4: Ghi rõ công suất máy phát, cơ cấu thiết bị đầu tư, số cụm loa đối với Đài truyền thanh xã,

AV

Bộ, ngành/ tỉnh, thành phố

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ DỰ ÁN 3
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG ĐƯA THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ**

Kỳ báo cáo:

STT	Nội dung	Kế hoạch năm	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu Chương trình
1	2	3	4	5
1	Số lượng chương trình phát thanh do Bộ, ngành, địa phương được giao kinh phí đặt hàng sản xuất			
	Trong đó:			
a	Do các Bộ, ngành trung ương đặt hàng sản xuất			
b	Do địa phương đặt hàng sản xuất			
2	Số lượng chương trình truyền hình do Bộ, ngành, địa phương được giao kinh phí đặt hàng sản xuất			
	Trong đó:			
a	Do các Bộ, ngành trung ương đặt hàng sản xuất			
b	Do địa phương đặt hàng sản xuất			
3	Phát sóng các chương trình phát thanh			
a	Tổng số các chương trình phát thanh do các Bộ, ngành TW gửi về			
b	Số chương trình các Bộ, ngành TW gửi về đã thực hiện phát sóng tại địa phương			
	Trong đó: - Số chương trình phát lần 1			
	- Số chương trình phát lại từ lần thứ 2 trở đi			
c	Thời lượng chương trình phát thanh do các Bộ ngành TW gửi về đã thực hiện phát sóng tại địa phương			
	Trong đó: - Thời lượng phát lần 1			
	- Thời lượng phát lại từ lần thứ 2 trở đi			
4	Phát sóng các chương trình truyền hình			
a	Tổng số các chương trình truyền hình do các Bộ, ngành TW gửi về			
b	Số chương trình truyền hình các Bộ, ngành TW gửi về đã thực hiện phát sóng tại địa phương			
	Trong đó: - Số chương trình phát lần 1			
	- Số chương trình phát lại từ lần thứ 2 trở đi			
c	Thời lượng chương trình truyền hình do các Bộ ngành TW gửi về đã thực hiện phát sóng tại địa phương			
	Trong đó: - Thời lượng phát lần 1			
	- Thời lượng phát lại từ lần thứ 2 trở đi			
5	Số lượng sách chuyên đề do Bộ, ngành/ địa phương được giao kinh phí đặt hàng xuất bản			
	Bao gồm:			
a	Số đầu sách			
b	Số lượng sách			
6	Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành/ địa phương được giao kinh phí đặt hàng xuất bản			
a	Số lượng chuyên san được xuất bản			
b	Số lượng video clip được sản xuất			
c	Số lượng tờ rơi được xuất bản			
	 (Chỉ tiết tưng loại ấn phẩm truyền thông)			
7	Số cụm thông tin đối ngoại của khẩu quốc tế, cụm đảo, biên giới được thiết lập			
a	Cụm thông tin đối ngoại cửa khẩu A			
b	Cụm thông tin đối ngoại cửa khẩu B			

Lập biểu

....., ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Bộ, ngành/ tỉnh, thành phố

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN 3
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG ĐƯA THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ**

Kỳ báo cáo:

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu Chương trình
1	2	3	4	5
1	Chi phí sản xuất các chương trình phát thanh			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
2	Chi phí sản xuất các chương trình truyền hình			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
3	Chi phí phát sóng các chương trình phát thanh			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
4	Chi phí phát sóng các chương trình truyền hình			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
5	Chi phí xuất bản, in, phát hành sách chuyên đề do Bộ, ngành/ địa phương đặt hàng			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
6	Chi phí hỗ trợ lưu giữ, quảng bá các ấn phẩm truyền thông			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
7	Chi phí xuất bản, in, phát hành các ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành/ địa phương đặt hàng			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
8	Chi phí thiết lập các cụm thông tin đối ngoại khu vực cửa khẩu quốc tế, cụm đảo và biên giới			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
9	Chi phí quản lý chương trình			
	Gồm:			
a	Nguồn NSTW hỗ trợ			
b	Nguồn NSDP bố trí			
c	Nguồn vốn khác			
	Tổng cộng			

Lập biểu

....., ngày tháng năm 20

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)